

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**
Số: **64/2020/QĐST-VDS**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Nguyễn Thành S**, sinh năm 1988; Nơi cư trú tại: ấp N, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;

2. **Chị Nguyễn Thị Trúc A**, sinh năm 1985; Nơi cư trú tại: ấp Đ, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Trúc A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã sống ly thân. Nay anh S và chị A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh S và chị A thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như I, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2016 hiện nay đang sống chung với chị A. Sau khi ly hôn, chị A trực tiếp nuôi con chung; ghi nhận việc chị A không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị A cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh S và chị A chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành S và chị Nguyễn Thị Trúc A.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như I, sinh ngày 16 tháng 5 năm 2016, con chung hiện nay đang sống chung với chị A. Sau khi ly hôn, chị A được trực tiếp nuôi con chung; ghi nhận việc chị A không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị A cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh S và chị A phải chịu nhưng anh chị thỏa thuận trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) **mà anh chị đã** nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009743 ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã S, Châu Thành, Bến Tre;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền